



VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM
VIỆN KỸ THUẬT BIỂN

BẢN TIN TUẦN

Bản tin kỳ 13, giám sát ngày 04/5/2023
dự báo từ 05÷12/5/2023

Nhiệm vụ:

**Giám sát, dự báo chất lượng nước trong
hệ thống công trình thủy lợi Dầu Tiếng,
phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp
năm 2023**

TP. Hồ Chí Minh, tháng 5-2023

Địa chỉ: 658 Võ Văn Kiệt, Phường 1, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh

ĐT: 84.8.38362821 - Fax: 84.8.39245269

Website: www.icoe.org.vn

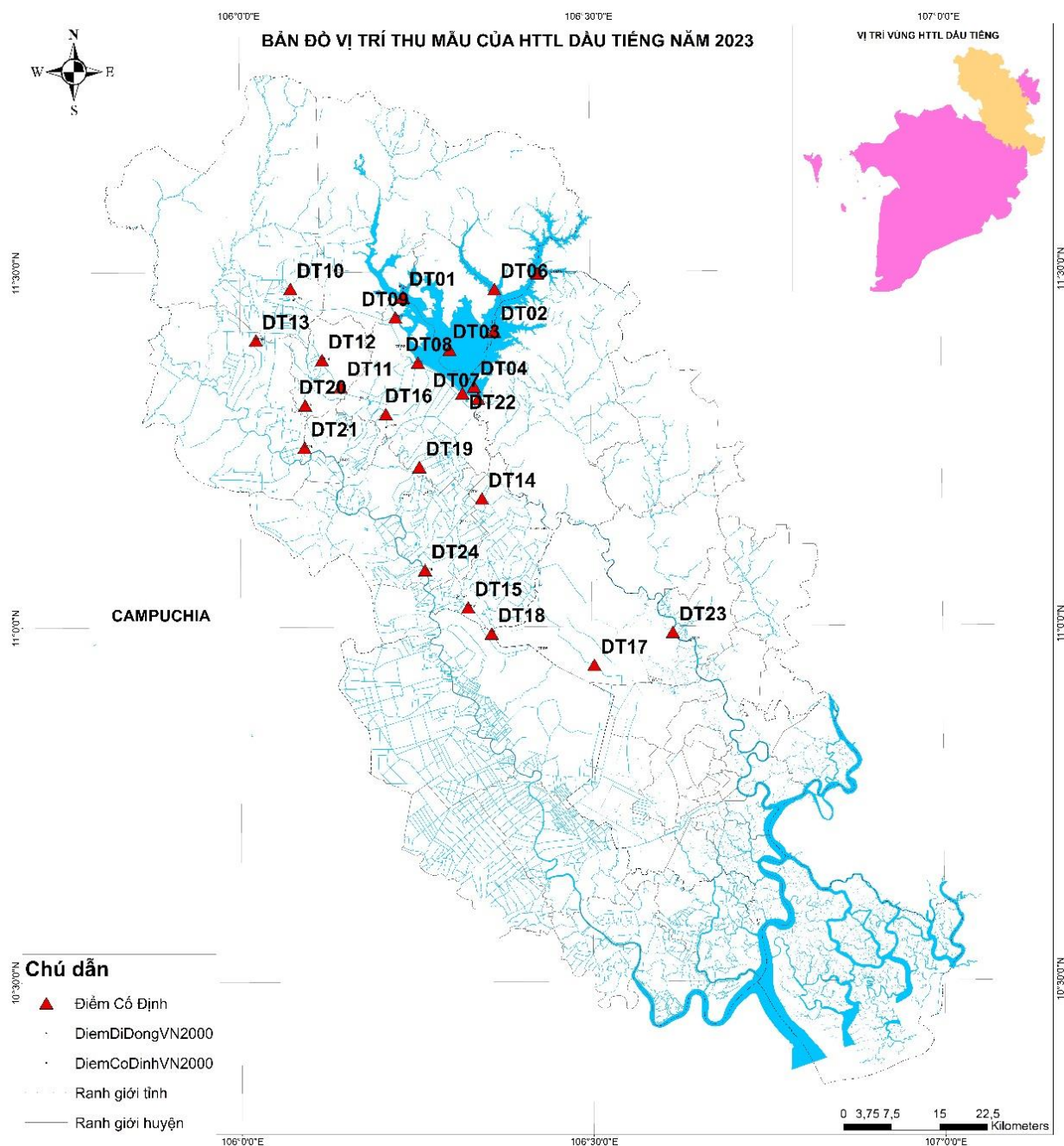
ISO 9001:2015

BẢN TIN TUẦN

“Bản tin kỳ 13 đợt đo ngày 04/5/2023 dự báo từ ngày 05÷12/5/2023”

1. Kết quả giám sát chất lượng nước ngày 04/5/2023

Nhiệm vụ quan trắc tại 24 vị trí phục vụ giám sát, dự báo chất lượng nước được trình bày trong hình 1, kết quả đo đạc như Bảng 1.



Hình 1: Sơ đồ vị trí các điểm giám sát chất lượng nước trong HTTL Dầu Tiếng 2023

Bảng 1: Kết quả đo đạc chất lượng nước tại 24 vị trí lấy mẫu ngày 04/5/2023

TT	Vị trí thu mẫu (ký hiệu)	pH	Mặn	TSS	DO	BOD ₅	COD	PO ₄ ³⁻	NH ₄ ⁺	NO ₂ ⁻	NO ₃ ⁻	Fe ^{TS}	Coliform	Chỉ số WQI	Khuyến cáo
			‰	mg/l	mgO ₂ /l			mg/l					MPN/100ml		
	QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột B1	5,5-9		50	≥4	15	30	0,3	0,9	0,05	10	1,5	7.500		
I	Khu vực công trình đầu mối														
1	Trong lòng hồ Dầu Tiếng về phía thượng lưu (cách cống số 3 khoảng 5km) theo hướng Tây Nam. (DT1)	7,07	-	≤ 4	6,72	6,2	12,3	0,006	0,071	0,009	0,053	1,09	5.800	84	Chất lượng nước tốt, đáp ứng nhu cầu cấp nước sinh hoạt (cần phải xử lý)
2	Trong lòng hồ Dầu Tiếng, cách cửa cống đầu mối số 1 khoảng 15km theo hướng thượng nguồn (DT2)	7,00	-	≤ 4	6,77	4,7	9,2	0,001	0,11	0,004	0,024	0,68	4.300	93	Chất lượng nước rất tốt, đạt các yêu cầu lấy nước
3	Khu vực lòng hồ (DT3)	6,97	-	≤ 4	6,32	5,1	10,5	0,001	0,090	0,009	0,015	0,90	4.000	92	
4	Trong lòng hồ trước cống số 1 khoảng 4km (DT4)	7,16	-	≤ 4	6,45	4,6	9,2	0,003	0,088	0,006	0,028	0,79	4.700	91	
5	Trong lòng hồ Dầu Tiếng về phía thượng lưu (cách cống số 1 khoảng 35km) (DT5)	6,94	-	≤ 4	6,88	4,5	8,6	0,001	0,16	0,004	0,009	0,87	6.900	82	Chất lượng nước tốt, đáp ứng nhu cầu cấp nước sinh hoạt (cần phải xử lý)
6	Trong lòng hồ Dầu Tiếng về phía thượng lưu (cách cống số 1 khoảng 40km) theo hướng Đông Bắc (DT6)	7,03	-	≤ 4	6,95	4,5	9,4	0,001	0,16	0,004	0,012	0,70	5.400	89	
7	Đầu kênh chính Đông, cách cửa cống đầu mối	7,11	-	≤ 4	6,66	5,4	10,5	0,003	0,14	0,008	0,020	1,32	4.600	91	Chất lượng nước rất tốt, đạt các yêu cầu lấy

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Dầu Tiếng, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp. (Ngày lấy mẫu 04/5/2023)

	số 1 khoảng 200m (DT7)														nước
8	Đầu kênh Chính Tây, cách cửa cống số 2 khoảng 200m (DT8)	6,96	-	5,1	6,30	6,5	13,2	0,008	0,38	0,011	0,052	1,02	8.100	70	Chất lượng nước ở mức trung bình do hàm lượng Coliform vượt cột B1, sắt tổng vượt nhẹ tại vị trí DT9. Lưu ý xử lý khi sử dụng cấp nước SH, tưới rau sống
9	Đầu kênh Tân Hưng, cách cửa cống số 3 khoảng 200m (DT9)	6,62	-	10,3	6,07	6,0	11,5	0,013	0,20	0,014	0,040	1,70	7.600	75	
II	Hệ thống kênh tưới														
10	Trên kênh Tân Hưng cách đầu kênh tưới N5 khoảng 20m (DT10)	6,72	-	31,1	5,82	5,9	12,4	0,015	0,26	0,016	0,061	2,34	5.800	83	Chất lượng nước tốt, đáp ứng nhu cầu cấp nước sinh hoạt (cần phải xử lý). Lưu ý sắt tổng vượt 2,34 cột B1 nên có biện pháp xử lý phù hợp
11	Trên kênh Chính Tây cách kênh tưới TN5 khoảng 20m (DT11)	6,84	-	14,6	5,79	7,8	15,2	0,026	0,44	0,024	0,021	1,26	8.400	66	Chất lượng nước ở mức trung bình do hàm lượng Coliform vượt cột B1 (vượt 1,01-1,3 lần cột B1) cần lưu ý xử lý khi sử dụng cấp nước cho nhà máy nước Tây Ninh, tưới rau sống
12	Trên kênh chính Tây cách nhà máy đường Tây Ninh khoảng 30m. (DT12)	6,72	-	17,2	6,38	7,5	14,5	0,034	0,41	0,026	0,018	1,30	9.500	61	
13	Trên kênh TN19 – cấp 2 kênh chính Tây (cách đầu kênh tưới khoảng 2km) (DT13)	7,31	-	16,4	6,34	7,1	13,4	0,039	0,32	0,026	0,030	1,34	7.600	73	
14	Trên kênh Chính Đông cách đầu kênh tưới N10 khoảng 100m (DT14)	7,00	-	8,3	6,19	7,5	14,2	0,030	0,31	0,023	0,052	1,01	4.200	86	Chất lượng nước tốt, đáp ứng nhu cầu cấp nước sinh hoạt (cần phải xử lý)
15	Trên kênh Vàm Trảng giáp ranh tỉnh Long An và Tây Ninh (DT15)	6,31	-	88,4	3,87	30,8	50,2	0,063	6,12	0,035	0,063	7,73	22.000	32	Nguồn nước xấu bị ô nhiễm bởi các chỉ tiêu dinh dưỡng, hữu cơ, coliform, sắt, TSS,... vượt cột B1. Nên cần lưu ý xử lý

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Dầu Tiếng, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp. (Ngày lấy mẫu 04/5/2023)

															nguồn nước trước khi cấp cho nông nghiệp.
16	Trên kênh tưới TN1 (cấp 2 kênh chính Tây), cách đầu kênh tưới khoảng 500m (DT16)	6,73	-	8,2	6,24	9,7	18,1	0,051	0,46	0,030	0,042	1,33	6.900	73	Chất lượng nước ở mức trung bình do hàm lượng Coliform vượt 1,1 cột B1 (tại DT17), cần lưu ý xử lý khi sử dụng cấp nước SH, tưới rau sống
17	Trên kênh chính Đông (trước khu vực cấp nước cho nhà máy nước trên kênh Đông) (DT17)	7,18	-	5,7	6,08	8,6	15,7	0,031	0,28	0,026	0,027	1,04	8.200	70	
III	Hệ thống kênh tiêu														
18	Trên kênh Xáng giáp ranh tỉnh Long An và Tp.HCM (DT18)	6,55	-	128,4	4,05	35,2	55,6	0,12	7,36	0,033	0,041	15,45	31.000	32	Nguồn nước xấu bị ô nhiễm bởi các chỉ tiêu dinh dưỡng, hữu cơ, coliform, sắt, TSS,... vượt cột B1. Nên cần lưu ý xử lý nguồn nước trước khi cấp cho nông nghiệp.
19	Trên kênh tiêu T12-T17 (vị trí K0+395) xã Truong Mít, Dương Minh Châu (DT19)	7,17	-	6,5	6,37	8,6	15,4	0,036	0,31	0,028	0,065	1,25	6.900	75	Chất lượng nước ở mức trung bình, đảm bảo cấp cho nông nghiệp
20	Trên Rạch Tây Ninh trong thị xã, cách cầu khoảng 50m (DT20)	6,22	-	65,1	3,74	18,9	35,1	0,26	2,38	0,11	0,000	5,36	12.000	28	Nguồn nước khá xấu bị ô nhiễm bởi các chỉ tiêu dinh dưỡng, hữu cơ, coliform, sắt, TSS,... vượt cột B1. Nên cần lưu ý xử lý nguồn nước trước khi cấp cho nông nghiệp. Lưu ý: nguồn nước thải từ Công ty TNHH Miwon Việt Nam vào điểm tiếp nhận là kênh
21	Trên Rạch Tây Ninh, cách sông Vàm Cỏ khoảng 1000m (DT21)	6,30	-	47,8	4,49	20,7	40,4	0,21	3,29	0,090	0,14	4,71	13.000	28	

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Dầu Tiếng, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp. (Ngày lấy mẫu 04/5/2023)

22	Trên kênh tiêu sau đập phụ hồ chứa nước Dầu Tiếng (DT22)	6,26	-	89,1	2,10	35,7	58,2	1,19	5,78	0,035	0,12	2,49	33.000	27	tiêu sau đập phụ hồ Dầu Tiếng (tại DT22)
IV	Khu đầy mặn trên sông														
23	Sông Sài Gòn cách cầu Phú Cường khoảng 3km về phía thượng lưu (DT23)	6,47	0,00	19,5	5,12	10,6	20,4	0,068	0,53	0,053	0,15	3,30	9.500	51	Chất lượng nước ở mức trung bình, hàm lượng sắt tổng, coliform và NO2 vượt cột B1. Lưu ý sử lý khi sử dụng cấp nước SH, tưới rau sống, cấp NTTS
24	Sông Vàm Cỏ Đông cách cầu Gò Dầu khoảng 50m (DT24)	6,33	0,00	22,4	3,80	14,9	27,6	0,094	1,34	0,081	0,092	5,09	8.400	50	Chất lượng ở dưới ngưỡng trung bình do hàm lượng Coliform và FeTS, dinh dưỡng, DO chưa đạt cột B1. Lưu ý sử lý khi sử dụng cấp nước SH, tưới rau sống, cấp NTTS

2. Dự báo chất lượng nước từ ngày 05÷12/5/2023

Dự báo cho 03 chỉ tiêu: DO, BOD₅, NH₄⁺ cho 22 vị trí từ DT1÷DT22

Dự báo 04 chỉ tiêu: DO, BOD₅, Độ mặn, NH₄⁺ cho 02 vị trí DT23÷DT24

Kết quả dự báo từ ngày 05÷12/5/2023 xem tại Bảng 2 đến Bảng 5.

2.1. Độ mặn

Độ mặn dự báo ở mức 0‰, như vậy mặn chưa truyền tới trạm cấp nước Hòa Phú (sông Sài Gòn) và khu vực Gò Dầu (sông Vàm Cỏ Đông).

Người dân yên tâm lấy nước cho các mục đích (sinh hoạt, nông nghiệp,...).

Bảng 2: Giá trị dự báo độ mặn tại 02 điểm giám sát từ 05÷12/5/2023, ‰

Kí hiệu	Dự Báo								Min	Max
	05/05	06/05	07/05	08/05	09/05	10/05	11/05	12/05		
DT23	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
DT24	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
Ranh mặn	<1 ‰	1‰-4‰		>4‰						

2.2. Oxy hòa tan (DO)

Giá trị DO dự báo dao động từ 2,04÷6,31 mgO₂/l và cơ bản nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột A1, B1, trừ một số vị trí cơ bản không đạt cột B1 như: vị trí kênh tiêu sau đập phụ Dầu Tiếng (DT22); kênh Xáng (DT18), kênh Vàm Trảng (DT15); rạch Tây Ninh (DT20), trên sông Vàm Cỏ Đông (DT24). Do đó cần lưu ý tăng DO tại vị trí này khi cấp nước cho nuôi trồng thủy sản. Các vị trí còn lại đáp ứng nhu cầu cấp nước nông nghiệp.

Bảng 3: Giá trị dự báo DO tại các điểm giám sát từ 05÷12/5/2023, mgO₂/l

Ký hiệu	05/05	06/05	07/05	08/05	09/05	10/05	11/05	12/05	max	min
Khu công trình đầu mối										
DT1	6,31	6,28	6,23	6,18	6,13	6,08	6,06	6,05	6,31	6,05
DT2	6,22	6,25	6,27	6,28	6,27	6,26	6,24	6,22	6,28	6,22
DT3	6,09	6,12	6,05	6,01	6,01	6,01	6,01	6,01	6,12	6,01
DT4	6,09	6,09	6,09	6,10	6,10	6,10	6,10	6,10	6,10	6,09
DT5	6,11	6,11	6,11	6,09	6,08	6,08	6,08	6,08	6,11	6,08
DT6	6,13	6,14	6,16	6,18	6,19	6,21	6,21	6,21	6,21	6,13
DT7	6,01	5,94	5,86	5,74	5,61	5,48	5,38	5,34	6,01	5,34
DT8	5,65	5,65	5,65	5,66	5,67	5,68	5,69	5,70	5,70	5,65
DT9	6,14	6,11	6,06	5,98	5,90	5,80	5,73	5,71	6,14	5,71
Hệ thống kênh tưới										
DT10	5,53	5,53	5,52	5,52	5,51	5,50	5,50	5,49	5,53	5,49
DT11	5,49	5,49	5,49	5,49	5,49	5,49	5,49	5,49	5,49	5,49
DT12	5,84	5,86	5,87	5,88	5,89	5,88	5,85	5,81	5,89	5,81
DT13	5,60	5,60	5,62	5,64	5,65	5,67	5,68	5,69	5,69	5,60
DT14	5,54	5,54	5,55	5,55	5,55	5,55	5,56	5,56	5,56	5,54
DT15	3,57	3,55	3,53	3,52	3,51	3,48	3,45	3,40	3,57	3,40
DT16	5,49	5,49	5,50	5,50	5,51	5,52	5,52	5,52	5,52	5,49
DT17	5,59	5,59	5,59	5,59	5,60	5,61	5,62	5,62	5,62	5,59
Hệ thống kênh tiêu										
DT18	3,81	3,51	3,37	3,32	3,40	4,51	4,96	4,98	4,98	3,32
DT19	5,22	5,26	5,33	5,40	5,46	5,49	5,51	5,52	5,52	5,22
DT20	3,94	3,88	3,84	3,83	3,86	3,95	4,04	4,11	4,11	3,83

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Dầu Tiếng, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp. (Ngày lấy mẫu 04/5/2023)

DT21	4,12	4,24	4,33	4,40	4,42	4,39	4,27	4,07	4,42	4,07
DT22	2,04	2,32	2,66	3,00	3,27	3,43	3,28	2,59	3,43	2,04
Khu đầy mặn										
DT23	5,26	5,16	5,02	4,86	4,69	4,54	4,41	4,34	5,26	4,34
DT24	3,58	3,57	3,54	3,53	3,52	3,50	3,47	3,41	3,58	3,41
QCVN 08 (Cột A1)	>=6									
QCVN 08 (Cột B1)	>=4									
Vượt cột B1	<4									

2.3. Nhu cầu Oxy sinh hóa (BOD₅)

Giá trị dự báo BOD₅ dự báo dao động từ 3,8÷34,9mg/l cơ bản đạt giới hạn cho phép QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột B1, chỉ trừ 05 vị trí DT15 (kênh Vàm Trảng) và DT18 (kênh Xáng), DT20, DT21 (Rạch Tây Ninh) và DT22 (kênh tiêu) vượt cột B1. Nên cần xử lý nguồn nước trước khi cấp cho nông nghiệp.

Bảng 4: Giá trị dự báo BOD₅ tại các điểm giám sát từ 05÷12/5/2023, mg/l

Ký hiệu	05/05	06/05	07/05	08/05	09/05	10/05	11/05	12/05	max	min
Khu công trình đầu mối										
DT1	6,37	6,35	6,05	5,55	5,00	4,47	4,00	3,80	6,37	3,80
DT2	4,61	4,46	4,93	5,48	5,83	5,96	5,97	5,94	5,97	4,46
DT3	6,61	6,48	6,24	5,86	5,30	4,71	4,37	4,90	6,61	4,37
DT4	6,30	6,30	6,28	6,25	6,22	6,18	6,14	6,11	6,30	6,11
DT5	4,97	4,99	5,02	5,06	5,11	5,14	5,19	5,26	5,26	4,97
DT6	5,53	7,98	9,30	9,27	8,85	8,20	7,46	6,80	9,30	5,53
DT7	6,41	6,30	6,16	5,97	5,77	5,61	5,53	5,80	6,41	5,53
DT8	6,92	6,88	6,85	6,80	6,75	6,70	6,68	6,68	6,92	6,68
DT9	6,12	6,12	6,13	6,13	6,13	6,12	6,05	5,90	6,13	5,90
Hệ thống kênh tưới										
DT10	6,86	6,86	6,81	6,72	6,63	6,55	6,48	6,44	6,86	6,44
DT11	7,35	7,26	7,00	6,62	6,17	5,74	5,27	4,97	7,35	4,97
DT12	7,55	7,27	6,57	5,84	6,48	6,42	6,75	7,24	7,55	5,84
DT13	9,68	9,70	9,45	8,99	8,40	7,76	7,14	6,80	9,70	6,80
DT14	6,98	6,91	6,79	6,73	6,71	6,67	6,66	6,73	6,98	6,66
DT15	26,13	24,81	22,50	20,66	19,76	19,62	19,98	20,57	26,13	19,62
DT16	9,73	9,67	9,35	8,79	8,15	7,61	7,36	7,46	9,73	7,36
DT17	8,81	8,81	8,81	8,82	8,83	8,84	8,83	8,79	8,84	8,79
Hệ thống kênh tiêu										
DT18	34,89	31,84	26,89	23,14	21,69	21,90	22,78	23,65	34,89	21,69
DT19	8,43	8,51	8,52	8,44	8,37	8,23	8,06	8,06	8,52	8,06
DT20	19,77	19,56	18,01	16,44	15,67	15,63	15,92	16,23	19,77	15,63
DT21	22,22	22,35	21,03	19,34	18,05	17,36	17,19	17,34	22,35	17,19
DT22	32,49	29,19	25,07	22,33	20,87	20,30	20,38	20,85	32,49	20,30
Khu đầy mặn trên sông										
DT23	10,65	10,45	10,17	9,94	9,78	9,62	9,50	9,48	10,65	9,48
DT24	13,38	13,40	13,48	13,50	13,50	13,44	13,40	13,36	13,50	13,36
QCVN 08 (Cột A1)	4									
QCVN 08 (Cột B1)	15									
Vượt cột B1	>15									

2.4. Amoni (NH_4^+)

Giá trị dự báo NH_4^+ dao động từ 0,15÷7,71 mg/l, cơ bản đạt giới hạn cho phép QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột A1, B1; chỉ trừ 05 vị trí DT15 (kênh Vàm Trảng) và DT18 (kênh Xáng), DT20, DT21 (Rạch Tây Ninh) và DT22 (kênh tiêu) vượt cột B1. Nên cần xử lý nguồn nước trước khi cấp cho nông nghiệp.

Bảng 5: Giá trị dự báo NH_4^+ tại các điểm giám sát từ 05÷12/5/2023, mg/l

Ký hiệu	05/05	06/05	07/05	08/05	09/05	10/05	11/05	12/05	max	min
Khu công trình đầu mối										
DT1	0,33	0,32	0,32	0,31	0,31	0,31	0,31	0,32	0,33	0,31
DT2	0,28	0,28	0,27	0,27	0,26	0,25	0,25	0,25	0,28	0,25
DT3	0,21	0,22	0,22	0,23	0,24	0,24	0,25	0,25	0,25	0,21
DT4	0,44	0,43	0,42	0,41	0,40	0,40	0,41	0,43	0,44	0,40
DT5	0,50	0,52	0,55	0,58	0,61	0,64	0,66	0,67	0,67	0,50
DT6	0,34	0,33	0,32	0,31	0,30	0,30	0,29	0,30	0,34	0,29
DT7	0,33	0,32	0,31	0,31	0,31	0,32	0,35	0,36	0,36	0,31
DT8	0,62	0,56	0,50	0,41	0,31	0,23	0,18	0,17	0,62	0,17
DT9	0,23	0,22	0,21	0,21	0,21	0,21	0,22	0,22	0,23	0,21
Hệ thống kênh tưới										
DT10	0,16	0,16	0,16	0,15	0,15	0,15	0,15	0,16	0,16	0,15
DT11	0,26	0,28	0,31	0,34	0,38	0,41	0,44	0,45	0,45	0,26
DT12	0,25	0,20	0,20	0,21	0,23	0,24	0,25	0,25	0,25	0,20
DT13	0,30	0,30	0,29	0,28	0,27	0,27	0,26	0,24	0,30	0,24
DT14	0,29	0,28	0,28	0,28	0,28	0,28	0,28	0,28	0,29	0,28
DT15	5,13	5,88	5,73	4,76	4,12	3,87	3,91	4,11	5,88	3,87
DT16	0,58	0,57	0,56	0,54	0,52	0,50	0,48	0,47	0,58	0,47
DT17	0,34	0,34	0,34	0,34	0,33	0,33	0,33	0,33	0,34	0,33
Hệ thống kênh tiêu										
DT18	7,71	7,16	6,41	5,85	5,54	5,35	5,16	4,83	7,71	4,83
DT19	0,42	0,43	0,43	0,43	0,42	0,41	0,40	0,39	0,43	0,39
DT20	3,56	3,16	2,86	2,68	2,59	2,48	2,26	2,04	3,56	2,04
DT21	2,91	3,08	3,24	3,36	3,24	2,50	1,84	1,67	3,36	1,67
DT22	7,29	6,82	5,94	5,29	4,97	4,83	4,69	4,29	7,29	4,29
Khu đầy mặn trên sông										
DT23	0,54	0,57	0,57	0,56	0,55	0,52	0,51	0,49	0,57	0,49
DT24	1,11	1,06	1,02	0,99	0,96	0,93	0,91	0,89	1,11	0,89
QCVN 08 (Cột A1)	0,30									
QCVN 08 (Cột B1)	0,90									
Vượt cột B1	>0,9									

Khuyến cáo: Kết quả dự báo chỉ tiêu BOD_5 và NH_4^+ và thường vượt giới hạn cho phép QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột B1 tại một số vị trí như: kênh Vàm Trảng giáp Long An và Tây Ninh (DT15), kênh Xáng giáp Long An và thành phố Hồ Chí Minh (DT18), rạch Tây Ninh (DT20, DT21) và sau đập phụ (DT22). Ngoài ra trên sông Vàm Cỏ Đông (khu vực cầu Gò Dầu tại DT24) hàm lượng oxy hòa tan thấp, nên cần có phương án xử lý như vớt bèo tây nhằm tăng oxy hòa tan để cung cấp nước cho NTTS.

Do đó người dân lấy nước cấp cho nông nghiệp cần lưu ý xử lý trước khi cấp. Ngoài ra tùy vào tình hình thực tế tại mỗi khu vực thì người dân cũng như đơn vị quản lý chủ động nguồn nước cấp cho nông nghiệp cũng như đưa ra phương án vận hành công trình phù hợp.